TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THIỆU HÓA
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 9 - 2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Đạt –Thẩm phán.
Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Dũng Tấn;
2. Ông Nguyễn Xuân Thu.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Bà Vũ Thị Quy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh TH1.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TH tham gia phiên tòa*:** Bà Hoàng Thị Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TH, tỉnh TH1, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ thục thông thường vụ án thụ lý số: 143/2023/TLST - HNGĐ ngày 14/8/2023 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23/8/2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Trịnh Thị T, sinh năm 1966; Địa chỉ: TK, thị trấn TH, huyện TH, tỉnh TH1; Bà T vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Ngô Văn K, sinh năm 1967; Địa chỉ: TK, thị trấn TH, huyện TH, tỉnh TH1; Ông K vắng mặt tại phiên tòa (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 10/02/2023, bản tự khai ngày 14/8/2023 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Trịnh Thị T trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn là ông Ngô Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thiệu Hưng, huyện Thiệu Yên (Nay là thị trấn TH, huyện TH), tỉnh TH1 vào ngày 13/11/1989. Cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên cãi vã nhau gây mất trật tự an ninh trật tự, ảnh hưởng đến con cái, nhiều lần ông K chửi bới đánh đập vợ con gây thương tích, chính quyền địa phương và gia đình đã khuyên giải nhiều lần, bà T đã gửi đơn ly hôn ra Tòa án nhưng ông K hứa thay đổi nên đã rút đơn khởi kiện nhưng ông K vẫn không thay đổi; Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn nhân không đạt được, bà T đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn ông Ngô Văn K.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Ngô Văn Ngọc sinh ngày 19/8/1990, Ngô Thị Liên sinh ngày 20/9/1993 và cháu Ngô Thị Hồng sinh ngày

11/01/2007; Ly hôn anh Ngọc và chị Liên đã thành niên có gia đình riêng nên bà T không yêu cầu giải quyết, bà đề nghị Tòa án giao cháu Hồng cho bà T nuôi dưỡng, ông K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà T.

Về tài sản: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 16/8/2023 bị đơn là ông Ngô Văn K trình bày:

Về hôn nhân: Ông Ngô Văn K và bà Trịnh Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Thiệu Hưng, huyện Thiệu Yên (Nay là thị trấn TH, huyện TH), tỉnh TH1 vào ngày 13/11/1989. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc không có vấn đề gì, tuy nhiên cuộc sống không tránh khỏi những va chạm, nhưng đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhặt chưa đến mức phải ly hôn, ông K mong muốn bà T suy nghĩ lại, nếu bà T cương quyết ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của bà T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là Ngô Văn Ngọc sinh ngày 19/8/1990, Ngô Thị Liên sinh ngày 20/9/1993 và cháu Ngô Thị Hồng sinh ngày 11/01/2007; Ly hôn anh Ngọc và chị Liên đã thành niên có gia đình riêng nên ông K không yêu cầu giải quyết, còn cháu Hồng nếu vợ chồng ly hôn đề nghị Tòa án hỏi ý kiến của cháu muốn ở cùng ai.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản gì.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa đã phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Trong quá trình từ khi thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán được phân công và Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 6, Điều 9; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho ly hôn giữa bà Trịnh Thị T và ông Ngô Văn K, về giao nuôi con: Giao bà T nuôi dưỡng cháu Ngô Thị Hồng, ông K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà T; Về án phí nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy;

[1]. Về tố tụng: Bà Trịnh Thị T và ông Ngô Văn K có nơi đăng ký hộ khẩu trường trú tại huyện TH vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TH theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà T và ông K có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, do đó căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T và ông K.

[2]. Về hôn nhân: Bà Trịnh Thị T và ông Ngô Văn K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và không vi phạm các điều cấm của luật hôn nhân gia đình như vậy là hôn nhân hợp pháp. Thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống, theo các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện ông K hay sử dụng rượu bia dẫn đến mất kiểm soát, trong gia đình hay sảy ra xô sát cãi

vã, tình trạng này xảy ra kéo dài đã lâu, nay bà T xin ly hôn ông K đề nghị Tòa giải quyết theo nguyện vọng của bà T; Điều này chứng tỏ cuộc sống vợ chồng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho bà T được ly hôn ông K là phù hợp.

[3]. Về con chung: Bà T và ông K khai nhận vợ chồng có 03 con chung là Ngô Văn Ngọc sinh ngày 19/8/1990, Ngô Thị Liên sinh ngày 20/9/1993 và cháu Ngô Thị Hồng sinh ngày 11/01/2007; Bà T xuất trình cho Tòa án bản sao giấy khai sinh của Ngô Văn Ngọc sinh ngày 19/8/1990, Ngô Thị Liên sinh ngày 20/9/1993 và cháu Ngô Thị Hồng sinh ngày 11/01/2007, có ghi họ tên bố là ông Ngô Văn K, họ tên mẹ là bà Trịnh Thị T, như vậy đủ cơ sở khẳng định Ngô Văn Ngọc sinh ngày 19/8/1990, Ngô Thị Liên sinh ngày 20/9/1993 và cháu Ngô Thị Hồng sinh ngày 11/01/2007 là con chung của ông K và bà T. Hiện tại anh Ngọc và chị Liên đã thành niên và có gia đình riêng, nên giao cháu Hồng cho bà T nuôi dưỡng phù hợp với nguyện vọng của cháu Hồng mong muốn ở với bà T là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình quy định:

"2.Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con".

Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà T.

[4]. Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Bà T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 9, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho bà Trịnh Thị T được ly hôn ông Ngô Văn K.

2. Về con chung: Giao con chung là Ngô Thị Hồng sinh ngày 11/01/2007 cho bà Trịnh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà T về việc ông K không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng bà T.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con mà không ai được cản trở; Không lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con cái.

3. Về án phí: Bà Trịnh Thị T phải chịu 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã

nộp là 300.000đ*(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai số: AA/2022/0000599 ngày 14/8/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TH, bà T đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Bà T, ông K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện TH;*
- *TAND tỉnh TH1;*
- *Thi hành án dân sự (để thi hành);*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã Ký)

Hoàng Văn Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Dũng Tấn **Nguyễn Xuân Thu** **Hoàng Văn Đạt**

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện TH;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND tỉnh TH1;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hoàng Văn Đạt

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện TH;*
- *TAND tỉnh TH1;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hoàng Văn Đạt